

**DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ DÙNG ĐỂ THU THẬP
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP HUYỆN
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC PHÒNG, BAN**

(Kèm theo Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên biểu	Ký hiệu biểu	Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
A	B	C	D	E	G
1	Số cơ sở, lao động trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp	001.5N/H020 1.1-NV	Phòng Nội vụ	5 năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau năm điều tra
2	Số lao động trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp	002.5N/H020 1.2-NV	Phòng Nội vụ	5 năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau năm điều tra

**BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ VÀ GIẢI THÍCH BIỂU MẪU BÁO CÁO
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI PHÒNG, BAN, NGÀNH**

*(Kèm theo Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. BIỂU MẪU

Biểu số: 001.5N/H0202.1-NV
Ban hành kèm theo Quyết định số
2889/QĐ-UBND ngày 15/8/2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 15 tháng 3 năm sau năm
điều tra

**SỐ CƠ SỞ, LAO ĐỘNG TRONG CÁC CƠ QUAN
HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP**

Năm

Đơn vị báo cáo:
Phòng Nội vụ
Đơn vị nhận báo cáo:
Chi Cục Thống kê

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Tổng số cơ sở hành chính (Cơ sở)	Tổng số cơ sở sự nghiệp (Cơ sở)	Tổng số lao động (Người)	Chia ra	
						Lao động biên ché (Người)	Lao động hợp đồng (Người)
A	B	C	1	2	3	4	5
	Tổng số	01					
I	CHIA THEO NGÀNH KINH TẾ						
1						
2						
.....						
II	CHIA THEO XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN						

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Tổng số cơ sở hành chính (Cơ sở)	Tổng số cơ sở sự nghiệp (Cơ sở)	Tổng số lao động (Người)	Chia ra	
						Lao động biên chế (Người)	Lao động hợp đồng (Người)
A	B	C	1	2	3	4	5
1	- Xã/phường/thị trấn,.....						
2	- Xã/phường/thị trấn,.....						
3	- Xã/phường/thị trấn,.....						
..						

....., Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 002.5N/H0202.2-NV
Ban hành kèm theo Quyết định số
2889/QĐ-UBND ngày 15/8/2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 15 tháng 3 năm sau năm
điều tra

**SỐ LAO ĐỘNG
TRONG CÁC CƠ
QUAN HÀNH CHÍNH,
SỰ NGHIỆP**

Đơn vị báo cáo:
Phòng Nội vụ.....
Đơn vị nhận báo cáo:
Chi Cục Thống kê.....

Năm

Đơn vị tính: Người

TT		Mã số	Tổng số	Trong đó: Nữ	Chia ra			
					Cơ sở hành chính	Trong đó: Nữ	Cơ sở sự nghiệp	Trong đó: Nữ
A	B	C	1	2	3	4	5	6
	Tổng số	01						
I	CHIA THEO NHÓM TUỔI							
1	Từ 30 tuổi trở xuống	02						
2	Từ 31 đến 40 tuổi	03						
3	Từ 41 đến 50 tuổi	04						
4	Từ 51 đến 55 tuổi	05						
5	Từ 56 đến 60 tuổi	06						
6	Trên 60 tuổi	07						
II	CHIA THEO TRÌNH ĐỘ							
1	Tiểu học	08						
2	Trung học cơ sở	09						
3	Trung học phổ thông	10						
4	Sơ cấp	11						
5	Trung cấp	12						
6	Cao đẳng	13						
7	Đại học	14						
8	Trên đại học	15						

....., Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

BIỂU SỐ 001.5N/H0202.1-NV: SỐ CƠ SỞ, LAO ĐỘNG TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP

BIỂU SỐ 002.5N/H0202.2-NV: SỐ LAO ĐỘNG TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP

1. Khái niệm, phương pháp tính

a) Số cơ sở hành chính

Cơ sở hành chính (đơn vị cơ sở) được khái niệm như sau:

- Là nơi trực tiếp diễn ra hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị xã hội, quản lý nhà nước, an ninh, quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc;
- Có chủ thể quản lý hoặc người chịu trách nhiệm về các hoạt động tại địa điểm đó;
- Có địa điểm xác định, thời gian hoạt động liên tục.

Đơn vị cơ sở có thể là một cơ quan hoặc chi nhánh của cơ quan hành chính.

Số cơ sở hành chính là tổng số lượng cơ sở thỏa mãn khái niệm nêu trên, hoạt động trong ngành O theo hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị xã hội, quản lý nhà nước, an ninh, quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc) tại thời điểm thống kê trên lãnh thổ Việt Nam.

b) Số cơ sở sự nghiệp

Cơ sở sự nghiệp được khái niệm như sau:

- Là nơi trực tiếp cung cấp dịch vụ, hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp,...;
- Có chủ thể quản lý hoặc người chịu trách nhiệm về các hoạt động tại địa điểm đó;
- Có địa điểm xác định;
- Có thời gian hoạt động liên tục hoặc định kỳ.

Cơ sở sự nghiệp hoạt động trong các ngành khoa học công nghệ; giáo dục đào tạo; y tế, cứu trợ xã hội; thể thao, văn hoá; hoạt động hiệp hội; hoạt động tôn giáo,...

c) Số lao động trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp

Số lao động trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp là toàn bộ số lao động hiện đang làm việc trong các cơ sở này tại thời điểm thống kê, gồm lao động trong biên chế; lao động hợp đồng (có thời hạn và không có thời hạn). Kể cả những người đang nghỉ chờ việc hay chờ chế độ nghỉ hưu, nhưng vẫn thuộc đơn vị quản lý.

2. Cách ghi biểu

a) Biểu số 001.5N/H0202.1-NV: Số cơ sở, lao động trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp

- Cột 1: Ghi tổng số cơ sở hành chính tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 2: Ghi tổng số cơ sở sự nghiệp tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 3: Ghi tổng số lao động trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 4: Ghi số lao động biên chế trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 5: Ghi số lao động hợp đồng trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp tương ứng với từng dòng của cột A.

b) Biểu số 002.5N/H0202.2-NV: Số lao động trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp

- Cột 1: Ghi tổng số lao động trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 2: Ghi số lao động nữ trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 3: Ghi tổng số lao động trong các cơ sở hành chính tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 4: Ghi số lao động nữ trong các cơ sở hành chính tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 5: Ghi tổng số lao động trong các cơ sở sự nghiệp tương ứng với từng dòng của cột A.
- Cột 6: Ghi số lao động nữ trong các cơ sở sự nghiệp tương ứng với từng dòng của cột A.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Phạm vi toàn huyện/thị xã/thành phố. Số liệu thu thập năm điều tra.

4. Nguồn số liệu

- Điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp.
- Phòng Nội vụ.